

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 198/2020/HSPT
Ngày 17-8-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết
Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Lê Thị Bích Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 180/HSPT ngày 02/7/2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu L về tội “*Trộm cắp tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 128/2020/HS-ST ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu L**; sinh năm 1992, tại: Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; con ông: Nguyễn Văn N (đã chết) và bà: Lâm Thị T1, sinh năm: 1964, hiện trú tại: Xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có chồng là Nguyễn Đình S (đã chết); có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018, hiện cùng trú tại: Xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Huy H1 – sinh năm 1976.

Địa chỉ: Phường A, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 30/11/2019, Nguyễn Thị Thu L cùng với anh Trịnh Bá T2, các chị Nguyễn Thị Tuyết L1, Trần Thị H2, Lý Thị S1, Nguyễn Thị Hồng Un và bà Lâm Thị T3, đến nhà của anh Nguyễn Huy H1, tại địa chỉ: Phường A, tỉnh Đắk Lắk để lau dọn nhà thuê. Nhiệm vụ của L là lau dọn cầu thang và cửa kính tại tầng một trong nhà. Sau khi lau dọn đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày

thì nghỉ trưa, L đem theo cơm nên ở lại nhà anh H1 ăn cơm, còn những người làm cùng ra ngoài ăn cơm. Ăn xong, L đi vào phòng vệ sinh tại tầng 1 để rửa chén đĩa. Phòng vệ sinh có cửa giao với phòng ngủ, nên L đi qua phòng ngủ để ra ngoài hành lang. Khi đi qua phòng ngủ, L thấy cửa tủ gỗ trong phòng đang hé mở, L tiến đến mở tủ thì phát hiện có 01 túi xách nữ không kéo khóa để trên chông quần áo, bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng gắn mặt hình tượng phật và số tiền 1.110.000 đồng, nên L mở túi xách lấy sợi dây chuyền gắn mặt hình tượng phật và số tiền trên cất giấu vào túi áo khoác đang mặc rồi đóng cửa tủ lại, khoảng 12 giờ cùng ngày, mọi người đi ăn cơm về, L ra khỏi phòng ngủ và cùng những người trên nghỉ trưa tại hành lang nhà anh H1. Sau đó thì tiếp tục lau dọn nhà đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì xong. L đi về phòng trọ của mình tại TDP 8, phường L2, thành phố T, L đếm tiền vừa trộm cắp được là 1.110.000 đồng rồi lấy dây chun cột số tiền trên bỏ vào túi áo khoác và lấy sợi dây chuyền trộm cắp được đem ra bếp ga đốt để thử vàng thật hay giả. Do thấy dây chuyền bị đen và đứt làm đôi (thành 02 sợi), L nghĩ là vàng giả, nên vứt sợi dây chuyền trên vào túi rác trước nhà, còn mặt dây chuyền L giữ lại. Sau khi lấy trộm được tài sản L biết gia đình anh H1 đi trình báo Cơ quan Công an, nên L đã nhặt sợi dây chuyền trong túi rác và lấy số tiền 1.110.000 đồng đem trả lại cho anh Nguyễn Huy H1. Ngày 02/12/2019 Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, kiểu mắt xích, có chiều dài 46cm, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, kiểu mắt xích, có chiều dài 12cm; 01 mặt dây chuyền bằng đá, màu vàng, hình tượng phật, kích thước (4,5x3)cm, xung quanh mặt dây chuyền được bọc kim loại màu vàng; số tiền 1.110.000 đồng (Một triệu một trăm mười ngàn đồng), là vật chứng vụ án.

Tại bản Kết luận định giá số 08/KLĐG, ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng Sài Gòn 610, kiểu mắt xích, có chiều dài 46cm, trọng lượng vàng 5,24 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng vàng Sài Gòn 610, kiểu mắt xích, có chiều dài 12cm, trọng lượng vàng 1,33 chỉ; 01 (Một) mặt dây chuyền bằng đá, màu vàng, hình tượng phật, kích thước (4,5x3)cm, xung quanh mặt dây chuyền được bọc vàng là vàng Sài Gòn 70%, trọng lượng vàng 0,93 chỉ; tổng trọng lượng vàng là 7,5 chỉ, riêng mặt đá không có cơ sở xác định chủng loại đá cũng như trọng lượng đá nên không xác định giá trị. Tổng giá trị tài sản là 19.500.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu L đã trả lại tài sản trộm cắp cho anh Nguyễn Huy H1. Anh H1 đã nhận tài sản của mình, làm đơn bãi nại và không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường gì thêm.

Tại bản án số 128/2020/HS-ST ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu L 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy

định pháp luật.

Ngày 25/5/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thu L kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Ngày 29/5/2020, người bị hại anh Nguyễn Huy H1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu L .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thu L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cung cấp thêm bản tóm tắt hồ sơ bệnh án bị cáo đang điều trị HIV.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát luận tội và tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thu L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có nộp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án xác định bị cáo bị HIV giai đoạn I. Xét về kháng cáo xin được hưởng án treo: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bản thân là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu L – Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu L không tranh luận bào chữa gì chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Thu L tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/11/2019, Nguyễn Thị Thu L trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng gắn mặt hình tượng phật trị giá 19.500.000 đồng và số tiền 1.110.000 đồng của gia đình anh Nguyễn Huy H1. Tổng giá trị mà L đã trộm là 20.610.000 đồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thu L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Thu L và đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo của người bị hại anh Nguyễn Huy H1, HĐXX nhận thấy:

Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện trả lại toàn bộ tài sản cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; bản thân bị cáo bị HIV giai đoạn 1 đang điều trị, là lao động chính duy nhất trong gia đình, nếu bắt bị cáo đi chấp hành án sẽ khó khăn cho việc điều trị bệnh và nuôi dạy 02 con. Bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo của bị cáo và người bị hại là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị Thu L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Thu L và đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo của người bị hại anh Nguyễn Huy H1: Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số hình sự sơ thẩm số 128/2020/HS-ST ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về biện pháp chấp hành hình phạt.

[2] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị Thu L 01 (một) năm tù, nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu L cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thị Thu L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu L phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thu L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết